

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 51/2023/HSST
Ngày 31-10-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và bà Hoàng Thị My

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa: Ông Bạch Đình Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 tại tỉnh Lâm Đồng; trú tại: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (sinh năm 1957); bị cáo có chồng Nguyễn Tấn T (đã ly hôn) và 02 con, (con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 13-07-2023 đến ngày 21-7-2023 được tại ngoại - có mặt.

2. Phạm Ngọc T, sinh năm 1983 tại tỉnh Đăk Lăk; trú tại: Bon S, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn M (sinh năm 1957) và bà Đinh Thị D (sinh năm 1957); bị cáo có vợ Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 13-07-2023 đến ngày 21-7-2023 được tại ngoại - có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Bùi Văn S; địa chỉ: Bon P, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ Ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị P, địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đều vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc C, địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

- Người làm chứng:

+ Chị Trần Thị L, địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03-01-2023, Bùi Văn S gọi điện hỏi vay số tiền 170.000.000 đồng thì N gửi số điện thoại của T cho S để liên hệ, thỏa thuận việc cho vay tiền. T yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì S đồng ý thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) thửa đất số 01, tờ bản đồ 139, diện tích 10024.2m² của ông Bùi Văn Q và bà Nguyễn Thị P (là bố mẹ của S) ở bon Phi G, xã Q.

Ngày 10-01-2023, sau khi được S dẫn vào xem đất (tài sản thế chấp), N và T đồng ý cho S vay 170.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để che giấu việc cho vay và đảm bảo việc trả nợ. T viết hợp đồng, ký tên bên nhận chuyển nhượng, ông Q và bà P ký vào bên chuyển nhượng. Sau đó, T đưa hợp đồng về cho N xem và lấy số tài khoản để chuyển tiền cho S.

Buổi tối cùng ngày, N sử dụng số tài khoản 999993027706268 (ngân hàng HD) chuyển số tiền 144.500.000 đồng đến số tài khoản 99990387789928 (ngân hàng HD) của Phạm Ngọc T để T chuyển đến số tài khoản 105875077372 (ngân hàng Viettin) cho S vay (đã trừ 25.500.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên).

Ngày 19-01-2023, S tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 45.000.000 đồng, thế chấp GCN QSDĐ số CN 304083, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 20, diện tích 7.580m², thuộc xã Q, mang tên Nguyễn Ngọc C (S nói là đất của S mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên) thì N nói với T đi xem đất và đồng ý cho vay với lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do chưa đủ tiền nên N chuyển khoản trước cho T số tiền 25.000.000 đồng để chuyển khoản cho S, số còn lại sẽ chuyển sau. S viết 01 giấy vay số tiền 25.000.000 đồng và đưa GCN QSDĐ cùng giấy vay tiền cho T giữ; T chuyển cho S số tiền 22.000.000 đồng (đã trừ 3.000.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 30-01-2023, N tiếp tục chuyển cho T số tiền

20.000.000 đồng để T đưa cho S vay. Khi nhận tiền, S viết 01 giấy vay số tiền 20.000.000 đồng và đưa 2.400.000 đồng (*tiền lãi*) cho T.

Sau khi vay tiền, S thường sử dụng số tài khoản 105875077372 (*Ngân hàng Viettin*) chuyển khoản trả tiền lãi cho T qua số tài khoản 99990387789928 (*ngân hàng HD*) và N qua số tài khoản 999993027706268 (*ngân hàng HD*). Cụ thể:

Ngày 14-02-2023, S chuyển vào tài khoản của T số tiền 12.500.000 đồng tiền lãi; ngày 18-02-2023, S chuyển vào tài khoản của T số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi; ngày 05-3-2023, S chuyển vào tài khoản của T số tiền 11.750.000 đồng tiền lãi; ngày 18-3-2023, S chuyển vào tài khoản của T số tiền 10.000.000 đồng tiền lãi; ngày 23-3-2023, S chuyển vào tài khoản của T số tiền 5.300.000 đồng tiền lãi.

Sau khi S chuyển trả tiền lãi, T đều nhận rồi chuyển khoản toàn bộ lại cho N và được N chia lại số tiền 10.700.000 đồng.

Ngày 03-4-2023, S chuyển vào tài khoản của N số tiền 7.500.000 đồng tiền lãi.

Ngày 14-4-2023, S chuyển vào tài khoản của N số tiền 10.300.000 đồng tiền lãi.

Sau đó, S không tiếp tục trả tiền cho N và T như thỏa thuận. Cuối tháng 5-2023, khi biết tin S và L bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong khởi tố, điều tra về hành vi chiếm đoạt tài sản của các hộ dân trên địa bàn xã Q thì N tiêu hủy hết các giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc cho vay tiền. Đến ngày 13-7-2023, Nguyễn Thị N và Phạm Ngọc T ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, nộp lại một phần thu lợi bất chính.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ: số tiền 78.700.000 đồng (*do Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T giao nộp*).

Đối với 02 ĐTDĐ các bị cáo sử dụng để liên hệ, chuyển tiền cho vay, thu tiền lãi đã bị hư hỏng; những giấy tờ, hợp đồng liên quan đến việc cho vay, các bị cáo đã tiêu hủy nên không thu giữ được.

Đối với những đồ vật, tài liệu thu giữ nhưng không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra Quyết định xử lý, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giữ để chuyển Tòa án xét xử, đề nghị truy thu, sung quỹ nhà nước số tiền 215.000.000 đồng Bùi Văn S đã vay của các bị cáo. Tiếp tục truy thu của Nguyễn Thị N số tiền 19.550.000 đồng tiền lãi; đề nghị tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 10.846.485 đồng, trả lại cho Bùi Văn S số tiền 87.403.515 đồng (*tiếp tục tạm giữ để đảm bảo quá trình thi hành án*).

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Văn S yêu cầu được nhận lại số tiền lãi vượt quá mức pháp luật quy định mà N, T đã thu của S.

Bản Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố đối với các bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam; về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 30 đến 50 triệu đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho Bùi Văn S số tiền 87.403.515 đồng; truy thu số tiền 215.000.000 đồng của Bùi Văn S đã vay của các bị cáo để sung quỹ nhà nước; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.846.485 đồng là tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX trả lại số tiền 87.403.515 đồng cho Bùi Văn S, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định: Trong thời gian từ ngày 10-01-2023, ngày 19-01-2023, ngày 30-01-2023 và ngày 14-4-2023 Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T đã cho Bùi Văn S vay tổng số tiền 215.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (đối với khoản vay 170.000.000 đồng ngày 10-01-2023, tương đương với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) và 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (đối với khoản vay 45.000.000 đồng, ngày 19, 30-01-2023, tương đương với lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự), thu lợi bất chính số tiền 87.403.515 đồng (98.250.000 đồng tiền lãi đã nhận – 10.846.485 đồng lãi suất pháp luật cho phép). Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phải cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế do pháp luật hình sự bảo vệ; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ, Bị cáo N là người cho S vay tiền, bị cáo T là đầu môi trung gian trong giao dịch cho vay tiền và thu tiền lãi, số tiền lãi bị cáo N được nhận từ việc cho vay nhiều hơn bị cáo T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung; cần xử phạt bị cáo N cao hơn bị cáo T là phù hợp.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính; các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Xét cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; bị cáo T làm nông, bị cáo N làm nghề buôn bán, không liên quan đến thực hiện hành vi phạm tội nên không áp dụng phạt bổ sung là cấm hành nghề.

[6]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc truy tố, xét xử và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ pháp lý, HĐXX chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét số tiền gốc là 215.000.000 đồng các bị cáo N, T đã chuyển giao cho anh Bùi Văn S. Anh S chưa trả lại số tiền này cho các bị cáo nên cần truy thu của Bùi Văn S số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Xét số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà các bị cáo đã thu của Bùi Văn S là 10.846.485 đồng các bị cáo đã tự nguyện giao nộp nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Xét số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 87.403.515 đồng, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền này. Đây là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính của anh Bùi Văn S, cần hoàn trả khoản tiền thu lợi bất chính trên cho anh Bùi Văn S. Tuy nhiên để đảm bảo công tác thi hành án, cần tạm giữ của anh Bùi Văn S số tiền này để khấu trừ vào nghĩa vụ truy thu của anh Bùi Văn S đối với số tiền gốc 215.000.000 đồng.

Đối với 02 ĐTDD các bị cáo sử dụng để liên hệ, chuyển tiền cho vay, thu tiền lãi đã bị hư hỏng; những giấy tờ, hợp đồng liên quan đến việc cho vay, các bị cáo đã tiêu hủy nên không thu giữ được nên không có căn cứ xử lý.

Đối với những đồ vật, tài liệu thu giữ nhưng không liên quan đến vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã ra Quyết định xử lý, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu nhận lại số tiền 87.403.515đ của anh Bùi Văn S là có căn cứ, tuy nhiên, số tiền này được xử lý trong phần xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-7-2023 đến ngày 21-7-2023 là 09 (chín) ngày, tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-7-2023 đến ngày 21-7-2023 là 09 (chín) ngày, tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Ngọc T cho UBND xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông và gia đình bị cáo cùng phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước; hình thức nộp một lần.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc T số tiền 30.00.000đ (ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước; hình thức nộp một lần.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.846.485 đồng là số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật do hành vi phạm tội của các bị cáo mà có.

Truy thu, buộc anh Bùi Văn S phải nộp số tiền gốc đã nhận của các bị cáo là 215.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Hoàn trả anh Bùi Văn S số tiền 87.403.515 đồng, do bị cáo đã tự nguyện giao nộp. Đây là số tiền lãi suất các bị cáo nhận của anh Bùi Văn S vượt quá mức quy định của pháp luật. Tiếp tục tạm giữ của anh Bùi Văn S số tiền này để đảm bảo công tác thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Đình Hưng

